

Số: 11/2018/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 03 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

SỞ VH TT DL TỈNH BẾN TRE

ĐẾN Số:...../P.O.P.....

Ngày:...../...../.....

Chuyển:.....

Lưu hồ sơ số:.....

2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1044/TTr-STC ngày 02 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định chi tiết các định mức chi phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật các cấp trên địa bàn tỉnh Bến Tre thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND.

Điều 2. Định mức chi tiết các nội dung chi

1. Định mức chi tiết đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND thực hiện theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Định mức chi tiết đảm bảo cho công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật:

Căn cứ định mức tối đa quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND và dự toán kinh phí được phân bổ phục vụ công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật hàng năm, thủ trưởng cơ quan chủ trì thực hiện báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương quyết định mức chi phù hợp thực tế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

- a) Hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này.
- b) Cân đối dự toán ngân sách hàng năm phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở chương trình, kế hoạch chính thức và chương trình, kế hoạch bổ sung trong năm của các cơ quan, đơn vị.
- c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời tổng hợp, tháo gỡ các vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh:

- a) Triển khai thực hiện nghiêm túc quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.
- b) Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí cụ thể công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hàng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp, cân đối kinh phí.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện nghiêm túc quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.
- b) Chỉ đạo cơ quan tài chính trực thuộc thẩm tra kế hoạch và dự toán kinh phí cụ thể công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hàng năm, đảm bảo ngân sách chi phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bến Tre chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2018 ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính (kiểm tra);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Website tỉnh;
- Ban TCD “niêm yết”;
- Phòng: TH, TCĐT, KT;
- Lưu: VT.



Phụ lục

**Quy định một số nội dung chi và mức chi cụ thể
bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2018/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Các nội dung và mức chi theo kết quả đầu ra là văn bản

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản		-
1.1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh		
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	Đồng/đề cương	950.000
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	Đồng/đề cương	650.000
1.2	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thành phố; Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Đồng/đề cương	Bằng 80% mức chi cấp tỉnh
1.3	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn; Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	Đồng/đề cương	Bằng 60% mức chi cấp tỉnh
2	Chi soạn thảo văn bản		
2.1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh		
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	Đồng/ dự thảo văn bản	2.700.000
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	Đồng/ dự thảo văn bản	2.200.000
2.2	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thành phố; Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Đồng/ văn bản	Bằng 80% mức chi cấp tỉnh
2.3	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn; Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	Đồng/ văn bản	Bằng 60% mức chi cấp tỉnh
3	Soạn thảo báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
3.1	Báo cáo tổng hợp ý kiến		
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	250.000
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	Đồng/báo cáo	150.000
3.2	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp		
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	350.000
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	Đồng/báo cáo	250.000
3.3	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì		
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	350.000
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	Đồng/báo cáo	200.000
4	Soạn thảo văn bản góp ý	Đồng/văn bản	250.000
5	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra	Đồng/báo cáo	500.000
6	Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, bản thuyết minh, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản	Đồng/01 lần chỉnh lý	200.000
7	Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập	Đồng/01 báo cáo	1.000.000
8	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản	Đồng/01 báo cáo	1.000.000

2. Các nội dung và mức chi khác:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo		
1.1	Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật		
a)	Chủ trì	Người/ 01 cuộc họp	150.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
b)	Thành viên tham dự	Người/ 01 cuộc họp	100.000
c)	Ý kiến tham mưu bằng văn bản của thành viên tham dự	Đồng/văn bản	200.000
1.2	Tham dự cuộc họp công bố các văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp thẩm quyền ký ban hành		
a)	Chủ trì	Người/ 01 cuộc họp	150.000
b)	Thành viên tham dự	Người/ 01 cuộc họp	70.000
2	Chi thuê dịch tài liệu		
a)	Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	Đồng/trang (350 từ/trang)	120.000
b)	Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Đồng/trang (350 từ/trang)	150.000
3	Hiệu đính tài liệu dịch		
	Hiệu đính tài liệu dịch	Đồng/trang (350 từ/trang)	40.000
4	Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu các ngôn ngữ không phổ thông khác		
	Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông khác	Đồng/trang (350 từ/trang)	Được phép tăng 30% so với mức chi mục 2 và mục 3 nêu trên


 ỦY BAN NHÂN DÂN
 CHỦ TỊCH
 Cao Văn Trọng